BẢNG TỔNG HỢP ĐIỂM RÈN LUYỆN HỌC KỲ 1 NĂM 2018-2019

LỚP D17KX2 - GVCV : TRẦN THỊ THIỂM

STT	mã số	Họ và	tên	TC1 (0-:-20)				TC2 (0-:-25)		TC3 (0-:-20)		TC4 (0-:-25)		TC5 (0-:-10)				HM	BHYT	TỔNG ĐIỂM				GHI CHÚ
				lớp	khoa	ht	khoa	lớp	khoa	lớp	khoa	lớp	khoa	lớp	khoa (phụ trách lớp, ĐTN, HSV)	khoa (HĐ phong trào)	khoa (HĐ học thuật)	5đ	-10	lớp	x.loại	khoa	x.loại	
1	16DQ5803010093	Nguyễn Văn	Nguyên	3	6	10	16	25	25	13	14	21	17	16	10		2	5		78	Khá	**89**	Tốt	
2	17DQ5803010002	Đoàn Thị	Ba	6	6	10	16	25	25	13	14	21	17		10		5	5		65	Khá	**92**	XS	
3	17DQ5803010004	Phạm Thị Bảo	Chi	3	3	10	13	25	25	11	12	21	17		4					60	TB	**71**	Khá	
4	17DQ5803010006	Đặng Đồng	Cường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17		0					0	Kém	**17**	Kém	
5	17DQ5803010008	Ninh Thị Hải	Đăng	3	6	14	20	25	25	15	16	25	17	7	10		10			75	Khá	**98**	XS	
6	17DQ5803010010	Nguyễn Đức	Dũng	6	6	10	16	25	25	13	13	21	17		10		2			65	Khá	**83**	Tốt	
7	17DQ5803010018	Hồ Thị Thương	Hoài	6	6	10	16	25	15	16	17	25	17	10	10		2	5		82	Tốt	**82**	Tốt	UVBCH, CHT,
8	17DQ5803010020	Bùi Trương Minh	Huyền	3	3	10	13	25	15	11	11	21	17		2		-5			60	TB	**53**	TB	
9	17DQ5803010022	Bùi Châu	Khải	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		2					0	Kém	**2**	Kém	
10	17DQ5803010026	Trần Thị Trúc	Ly	3	3	10	13	25	25	13	14	21	17		5					62	TB	**74**	Khá	
11	17DQ5803010030	Huỳnh Thị Nguyệt	Nga	3	3	8	11	25	15	8	8	21	17		4					57	TB	**55**	TB	
12	17DQ5803010036	Võ Kiều	Oanh	3	3	8	11	25	25	9	10	19	17		4					56	TB	**67**	Khá	
13	17DQ5803010038	Huỳnh Thị Hồng	Phúc	6	6	10	16	25	25	11	12	21	17		3					63	TB	**73**	Khá	
14	17DQ5803010040	Võ Thị	Siêng	6	6	8	14	25	15	13	14	25	17	7	7					76	Khá	**67**	Khá	
15	17DQ5803010042	Phạm Ngọc	Thái	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17		0					0	Kém	**17**	Kém	
16	17DQ5803010044	Trần Thị Cẩm	Thu	6	6	8	14	25	25	14	15	19	17	7	10					71	Khá	**81**	Tốt	UV,
17	17DQ5803010046	Trần Thị	Thừa	6	6	10	16	25	5	9	10	21	17	7	10					68	Khá	**58**	TB	P BT,
18	17DQ5803010048	Trần Thị Ngọc	Thúy	3	6	10	16	25	15	15	16	25	17	7	10		5	5		75	Khá	**84**	Tốt	UV,
19	17DQ5803010050	Nguyễn Thị Kiều	Tiên	3	3	0	3	25	25	9	9	25	17		4					62	TB	**58**	TB	
20	17DQ5803010052	Trần Minh	Toàn	3	3	12	15	25	15	9	10	18	17		2					55	TB	**59**	TB	
21	17DQ5803010054	Nguyễn Quốc	Trầm	3	3	8	11	25	15	13	14	25	17		6					66	Khá	**63**	TB	
22	17DQ5803010056	Hồ Thanh	Tùng	3	3	8	11	25	25	11	12	21	17		4					60	TB	**69**	Khá	
23	17DQ5803010058	Biện Thị Minh	Tuyền	6	6	10	16	25	25	13	14	21	17		7					65	Khá	**79**	Khá	
24	17DQ5803010062	Trần Thị Bích	Ngọc	6	3	10	13	25	25	12	13	21	17		6		-5			64	TB	**69**	Khá	
25	17DQ5803010064	Võ Thị Yến	Nhi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17		0					0	Kém	**17**	Kém	
26	17DQ5803010066	Trần Thị Minh	Hoài	3	3	8	11	25	25	12	13	25	17		5					65	Khá	**71**	Khá	
27	17DQ5803010068	Nguyễn Lê	Chinh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17		0					0	Kém	**17**	Kém	
28	17DQ5803010071	Nguyễn Nữ Linh	Tâm	3	3	8	11	25	25	9	10	21	17		3					58	TB	**66**	Khá	
29	17DQ5803010073	Võ Chí	Hùng	3	3	8	11	25	15	7	8	21	17		3		-5			56	TB	**49**	Yếu	
30	17DQ5803010075	Nguyễn Minh	Kỳ	6	3	10	13	25	25	13	14	25	17		7		-5			69	Khá	**71**	Khá	
31	17DQ5803010077	Lê Văn	Sang	3	3	10	13	25	25	16	17	19	17	10	10		5	5		73	Khá	**92**	XS	BT,
32	17DQ5803010080	Tống Phước	Thiên	3	6	12	18	25	25	13	14	21	17		6		2			62	TB	**82**	Tốt	
33	17DQ5803010082	Lê Thị Kim	Phấn	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17		0					0	Kém	**17**	Kém	
34	17DQ5803010084	Thái Hùng	Bảo	3	3	8	11	25	15	12	12	21	17		6					61	TB	**61**	TB	
35	17DQ5803010085	Nguyễn Quốc	Tiến	0	0	0	0	0	0	0	0	0	17		0					0	Kém	**17**	Kém	

Ngày tháng năm

Chủ nhiệm Khoa

BẢNG TỔNG HỢP

XL	XS	Tốt	Khá	TBK	TB	Yếu	Kém	TC
SL	3	6	11	0	7	1	7	35
%	8.6	17.1	31.4	0.0	20.0	2.9	20.0	100

Người lập

Trần Thị Quỳnh Như

Lê Thị Ngọc Thảo